

## **THÔNG TƯ**

**Quy định danh mục các loại máy móc, thiết bị  
được hưởng chính sách theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg  
ngày 15/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ  
nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật chất lượng, sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

Sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định danh mục các loại máy móc, thiết bị sản xuất trong nước nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch được hưởng các chính sách hỗ trợ như sau:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục các loại máy móc, thiết bị được hưởng các chính sách qui định tại Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

**Điều 2.** Các tổ chức, cá nhân sản xuất máy móc, thiết bị giảm tổn thất sau thu hoạch tự xác định giá trị sản xuất trong nước và đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để công bố. Danh mục máy móc, thiết bị nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch hàng năm có xem xét, bổ sung theo yêu cầu thực tế.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương; Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối có trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo Bộ trưởng.

**Điều 4.** Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2010.

**Điều 5.** Chánh văn phòng Bộ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương; Bộ TC; Bộ KH&CN, NHNNVN;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT;
- Các Cục, Vụ, Tổng cục có liên quan thuộc Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, CB.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Hồ Xuân Hùng**

**DANH MỤC CÁC LOẠI MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH  
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 63/2010/QĐ-TTg NGÀY 15/10/2010 CỦA  
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHẪM GIẢM  
TỶ LỆ SAU THU HOẠCH ĐỐI VỚI NÔNG SẢN, THỦY SẢN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số **62** /2010/TT-BNNPTNT ngày **28** tháng **10** năm  
2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

**I. DANH MỤC CÁC LOẠI MÁY MÓC, THIẾT BỊ**

**1. Danh mục các loại máy móc, thiết bị nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch được vay vốn và hỗ trợ lãi suất theo khoản 2, Điều 1 của Quyết định 63/2010/QĐ-TTg**

| <b>TT</b> | <b>Danh mục máy móc, thiết bị</b>   |
|-----------|---|
| 1         | Các loại máy làm đất: máy kéo (loại 2 bánh và 4 bánh); máy cày, bừa, phay; bánh lồng; máy rạch hàng;  |
| 2         | Các loại máy gieo hạt, máy cấy, máy trồng cây, thiết bị dây chuyền sản xuất mạ thâm; máy sàng, máy trộn, máy đưa phân bón vào vi xốp để gieo hạt, hệ thống tưới phun tự động;                 |
| 3         | Các loại máy xới, máy vun luống, máy bón phân, máy phun thuốc trừ sâu, máy bơm nước;  |
| 4         | Các loại máy thu hoạch lúa, ngô, mía, cà phê; máy đôn, hái chè;   |
| 5         | Máy nạo, hút bùn nuôi trồng thủy sản;   |
| 6         | Máy sục ô xy nuôi trồng thủy sản;   |
| 7         | Hệ thống tủ cấp đông, tủ bảo quản, hầm bảo quản sản phẩm bằng xốp thổi (polyfoam), thiết bị ngưng tụ nước đá bằng nước biển;  |
| 8         | Các loại máy sấy nông sản (hạt, rau, củ, quả) qui mô hộ;  |
| 9         | Các loại máy tuốt đập lúa, máy tẽ ngô, máy đập đậu tương, máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê qui mô hộ;  |
| 10        | Máy móc, thiết bị dùng cho sản xuất giống thủy sản; vật tư, thiết bị xây dựng, cải tạo các ao (hồ) nuôi thủy sản; thiết bị, phương tiện phục vụ nuôi trồng, thu hoạch và vận chuyển thủy sản; |
| 11        | Thiết bị làm lạnh, cấp đông, thiết bị sản xuất nước đá trên tàu cá, hầm bảo quản phục vụ khai thác dài ngày trên biển.  |

**2. Danh mục máy móc, thiết bị được áp dụng lãi suất tín dụng đầu tư phát triển theo khoản 1, Điều 2 của của Quyết định 63/2010/QĐ-TTg:**

| TT | Danh mục máy móc, thiết bị   |
|----|--|
| 1  | Máy móc, thiết bị xay xát gạo có tỷ lệ thu hồi gạo nguyên cao (đến 70%);                                 |
| 2  | Máy móc, thiết bị chế biến ướt cà phê;   |
| 3  | Máy móc, thiết bị xử lý nâng cao phẩm cấp cà phê (steam, đánh bóng ướt);                                 |
| 4  | Dây chuyền chế biến hồ tiêu chất lượng cao;  |
| 5  | Máy tách vỏ cứng và xát vỏ lụa nhân điều;  |
| 6  | Dây chuyền, thiết bị chọn và xử lý hạt giống, cân định lượng, máy đóng bao;                              |
| 7  | Dây chuyền, thiết bị chế biến chè;   |
| 8  | Dây chuyền chế biến rau quả;   |
| 9  | Dây chuyền chế biến giống rau;   |
| 10 | Máy móc, thiết bị bọc màng bán thấm (coating), chiếu xạ, tiệt trùng bằng nước nóng đối với rau quả tươi; |
| 11 | Hệ thống sơ chế rau quả (Packing House) tại các chợ đầu mối;   |
| 12 | Hệ thống máy móc, thiết bị, dây chuyền chế biến bột cá;  |
| 13 | Máy móc, thiết bị nâng hạ, xe vận chuyển chuyên dùng vận chuyển thủy sản;                                |
| 14 | Máy móc, thiết bị xử lý phế phẩm sau chế biến thủy sản (vỏ ốc, tôm, nghêu);                              |
| 15 | Kho tạm trữ lúa, cà phê;   |
| 16 | Kho lạnh bảo quản thủy sản;  |

**II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC VÀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ**

**1. Giá trị sản xuất trong nước được tính theo công thức sau:**

$$N = \frac{\sum_{i=1}^n X_i}{X} \times 100\% + 10\%$$

Trong đó: - N: giá trị sản xuất trong nước;  
- Xi: giá trị của chi tiết thứ i được sản xuất trong nước;  
- n: Số các chi tiết chế tạo trong nước;  
- X: Tổng giá trị sản phẩm.  
- 10% là giá trị sản xuất trong nước của khâu lắp ráp ở Việt Nam (có nhà xưởng và dây chuyền thiết bị sản xuất, lắp ráp).

## 2. Về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm

- Các loại máy, thiết bị do các tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp phải có đầy đủ hồ sơ, tài liệu kỹ thuật về sản phẩm; không vi phạm quyền bảo hộ về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; các phụ tùng mua về để lắp ráp phải đảm bảo tính pháp lý về nguồn gốc xuất xứ.

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất lắp ráp các sản phẩm nêu trên phải tuân thủ các quy định hiện hành về chất lượng hàng hóa; phải công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo Điều 23 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa./.

KT.BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Hồ Xuân Hùng